

Số: 453/TLG-TCKT

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

V/v Giải trình chi tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN
Quý II năm 2023 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2023,

Tổng công ty Thăng Long - CTCP giải trình về chi tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN tăng so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Chênh lệch Quý này năm nay so với Quý này năm trước	Tỷ lệ Tăng (+) /Giảm (-) (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	421.132.175.273	297.231.586.476	123.900.588.797	41,68%
Giá vốn hàng bán	11	397.080.305.115	286.706.006.292	110.374.298.823	38,50%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	24.051.870.158	10.525.580.184	13.526.289.974	128,51%
Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.454.590.133	7.597.597.622	(4.143.007.489)	-54,53%
Chi phí tài chính	22	11.642.485.189	3.434.403.450	8.208.081.739	239,00%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13.684.143.085	13.588.911.360	95.231.725	0,70%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.179.832.017	1.099.862.996	1.079.969.021	98,19%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.333.957.135	1.414.497.922	919.459.213	65,00%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	1.941.275.943	1.414.497.922	526.778.021	37,24%

Qua bảng số liệu tổng hợp ở trên, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý II năm 2023 đạt 1.941.275.943 đồng, so với cùng kỳ năm 2022 tăng: 526.778.021 đồng tương đương: 37,24% chủ yếu do do tỷ lệ tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ lớn hơn tỷ lệ tăng giá vốn hàng bán.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Chênh lệch Quý này năm nay so với Quý này năm trước	Tỷ lệ tăng (+) /Giảm (-) (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	424.899.438.334	320.471.083.498	104.428.354.836	32,59%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	424.899.438.334	320.471.083.498	104.428.354.836	32,59%
Giá vốn hàng bán	11	382.931.990.563	295.576.287.570	87.355.702.993	29,55%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	41.967.447.771	24.894.795.928	17.072.651.843	68,58%
Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.212.763.181	7.204.112.328	(3.991.349.147)	-55,40%
Chi phí tài chính	22	18.277.871.178	10.902.747.541	7.375.123.637	67,64%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16.911.885.554	17.052.540.788	(140.655.234)	-0,82%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	9.990.454.220	4.155.975.490	5.834.478.730	140,39%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	10.151.722.610	4.897.563.308	5.254.159.302	107,28%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	8.665.328.251	4.348.278.151	4.317.050.100	99,28%

Qua bảng số liệu tổng hợp ở trên, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý II năm 2023 đạt 8.665.328.251 đồng, so với cùng kỳ năm 2022 tăng 4.317.050.100 đồng tương đương 99.28% chủ yếu do tỷ lệ tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ lớn hơn tỷ lệ tăng giá vốn hàng bán.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, P.TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Hà